

Nghị quyết số: 93/2025/UBTVQH15

NGHỊ QUYẾT

Quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung và cách thức tổ chức thực hiện dân chủ trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thực hiện đầy đủ các nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bảo đảm chế độ làm việc tập thể kết hợp với đề cao trách nhiệm của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân và vai trò điều hành của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

3. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về thực hiện dân chủ trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Chương II

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Mục 1

VIỆC CÔNG KHAI THÔNG TIN TRONG NỘI BỘ HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 3. Nội dung phải công khai trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Các nội dung phải công khai theo quy định tại Điều 46 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có liên quan trực tiếp đến hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Nội dung phân công công việc, điều phối hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; phân công công việc thường xuyên của Vụ chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

3. Kết quả thành lập Tiểu ban của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phục vụ hoạt động thường xuyên hoặc theo từng công việc cụ thể thuộc lĩnh vực phụ trách.

4. Nội dung, tiến độ trình dự án luật, nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết được giao chủ trì soạn thảo.

5. Kết quả chủ trì thẩm tra, tham gia tiếp thu, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; tham gia thẩm tra, cho ý kiến đối với các dự án, báo cáo, đề án khác theo sự phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Chương trình, kế hoạch và kết quả thực hiện các hoạt động giám sát, khảo sát thuộc lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc theo sự phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

7. Kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với kiến nghị của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

8. Kết quả thực hiện một số chức năng khác theo quy định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Kết quả phối hợp với Văn phòng Quốc hội trong việc bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

Điều 4. Nội dung phải công khai trong nội bộ Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội

1. Các nội dung quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.
2. Nội dung, tiến độ chủ trì thẩm tra, tham gia tiếp thu, chỉnh lý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; tham gia thẩm tra, cho ý kiến đối với các dự án, báo cáo, đề án khác theo sự phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
3. Việc triển khai các hoạt động giám sát, khảo sát; tổ chức các đoàn giám sát, đoàn công tác, đoàn khảo sát, nghiên cứu của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi được phân công.
4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác cán bộ thuộc thẩm quyền theo quy định; việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản, cơ sở vật chất và các điều kiện khác bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.
5. Kết quả phối hợp với Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu trong công tác cán bộ và bảo đảm chế độ, chính sách đối với đại biểu Quốc hội là thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.
6. Kết quả thực hiện chế độ, chính sách, tổ chức cán bộ đối với công chức Vụ chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội quy định tại khoản 6 Điều 46 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 5. Nội dung phải công khai trong nội bộ Vụ chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Các nội dung quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 3 của Nghị quyết này. Các nội dung quy định tại các khoản 1, 7, 8 và 9 Điều 3 của Nghị quyết này theo quyết định của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.
2. Các nội dung quy định tại các khoản 2, 3 và 6 Điều 4 của Nghị quyết này.
3. Tình hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ và việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của Vụ chuyên môn theo Quy chế làm việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các quy định có liên quan; kết quả phối hợp với đơn vị có liên quan của Văn phòng Quốc hội và các Vụ chuyên môn khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.
4. Việc tổ chức cho công chức Vụ chuyên môn bàn và quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ trong nội bộ Vụ chuyên môn quy định tại các điều 49, 53 và 56 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 6. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Ngoài các hình thức theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, việc công khai thông tin trong Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội còn được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện công khai thông tin quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này tại phiên họp toàn thể Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;

b) Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội thực hiện công khai thông tin quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này tại cuộc họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội;

c) Vụ chuyên môn thực hiện công khai thông tin quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này tại hội nghị triển khai công tác, sơ kết, tổng kết, cuộc họp của Vụ chuyên môn.

2. Thời điểm công khai thông tin được thực hiện theo quy định về thời gian tổ chức các hình thức công khai thông tin tại khoản 1 Điều này. Trường hợp thực hiện việc công khai theo hình thức niêm yết thông tin tại trụ sở của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Vụ chuyên môn thì phải thực hiện niêm yết ít nhất 20 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ việc cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;

b) Bảo đảm cho thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, công chức Vụ chuyên môn được cung cấp thông tin về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức việc công khai trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Vụ chuyên môn về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này;

b) Chỉ đạo cung cấp thông tin cần công khai thuộc thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Quyết định nội dung thông tin khác cần công khai phù hợp với điều kiện thực tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Vụ chuyên môn.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các yêu cầu về công khai thông tin trong nội bộ quy định tại các điều 3, 4 và 5 của Nghị quyết này theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội;

b) Trường hợp cần thiết có thể xác định thêm nội dung thông tin khác cần công khai phù hợp với điều kiện thực tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Vụ chuyên môn, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung

quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

5. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm chủ động đề xuất, báo cáo, yêu cầu cung cấp hoặc công khai thêm thông tin về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

6. Công chức Vụ chuyên môn có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan đến việc công khai thông tin trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; tham mưu, phục vụ việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều này.

Mục 2

VIỆC BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NỘI BỘ HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 8. Nội dung bàn và quyết định của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Kế hoạch công tác hằng năm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; quy chế làm việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Nội dung thẩm tra, soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì; nội dung giám sát thuộc lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

Điều 9. Nội dung bàn và quyết định của thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội

1. Các nội dung quy định tại Điều 3, các khoản 2, 3 và 6 Điều 4 của Nghị quyết này.

2. Kế hoạch thẩm tra, soạn thảo, tham gia tiếp thu, chỉnh lý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì; kế hoạch thực hiện các hoạt động giám sát thuộc lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

3. Nội dung phân công công việc, điều phối hoạt động của thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.

Điều 10. Hình thức bàn và quyết định

1. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này tại phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 9 của Nghị quyết này tại cuộc họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.

3. Trường hợp không thể tổ chức phiên họp, cuộc họp, việc bàn và quyết định được thực hiện bằng hình thức gửi xin ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội quyết định.

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bàn và quyết định trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và bảo đảm cho thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tham gia bàn và quyết định những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

b) Theo dõi, đôn đốc, quán triệt việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc đã được Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội bàn và quyết định.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức để thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tham gia bàn và quyết định về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 10 của Nghị quyết này;

b) Trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp đột xuất để bàn và quyết định những vấn đề phát sinh thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc quyết định gửi văn bản xin ý kiến của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung đã được Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội bàn và quyết định quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị quyết này theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội;

b) Trường hợp cần thiết có thể xác định thêm những nội dung khác để đưa ra tập thể bàn và quyết định; đề xuất xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

5. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị quyết này; nghiêm túc thực hiện các nội dung đã được tập thể bàn và quyết định;

b) Trường hợp nhận thấy quyết định của tập thể có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì kịp thời kiến nghị, phản ánh đến Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội để xem xét, xử lý.

6. Công chức Vụ chuyên môn có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan đến việc bàn và quyết định trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; tham mưu, phục vụ việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều này.

Mục 3

VIỆC THAM GIA Ý KIẾN TRONG NỘI BỘ HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 12. Nội dung tham gia ý kiến của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Các nội dung quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.
2. Dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì thẩm tra, soạn thảo, tiếp thu, chỉnh lý.
3. Dự thảo báo cáo giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

Điều 13. Nội dung tham gia ý kiến của thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội và công chức Vụ chuyên môn

1. Thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại Điều 4, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Nghị quyết này.
2. Công chức Vụ chuyên môn tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 4, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Nghị quyết này.

Điều 14. Hình thức tham gia ý kiến

Ngoài các hình thức theo quy định tại Điều 54 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, việc tham gia ý kiến tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội còn được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này tại phiên họp toàn thể Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;
2. Thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết này tại cuộc họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội;
3. Công chức Vụ chuyên môn tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết này tại hội nghị triển khai công tác, sơ kết, tổng kết, cuộc họp của Vụ chuyên môn.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tham gia ý kiến trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;

b) Bảo đảm cho thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, công chức Vụ chuyên môn được tham gia ý kiến về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức việc lấy ý kiến của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, công chức Vụ chuyên môn về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 14 của Nghị quyết này;

b) Chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình và phản hồi ý kiến tham gia góp ý, công khai thông tin phản hồi;

c) Quyết định nội dung khác cần lấy ý kiến phù hợp với điều kiện thực tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Vụ chuyên môn.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức việc lấy ý kiến thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, công chức Vụ chuyên môn quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết này theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội;

b) Chỉ đạo tổ chức tiếp nhận, tổng hợp nội dung ý kiến của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và công chức Vụ chuyên môn; nghiên cứu, chuẩn bị nội dung tiếp thu, giải trình và phản hồi ý kiến, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

5. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Tích cực tham gia ý kiến, biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; thể hiện rõ chính kiến khi được yêu cầu và được bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến tham gia khác với ý kiến của tập thể;

b) Chủ động đề xuất, báo cáo, yêu cầu cung cấp hoặc bổ sung thông tin phục vụ việc tham gia ý kiến về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

6. Công chức Vụ chuyên môn có trách nhiệm tham gia ý kiến, đề xuất, báo cáo kịp thời, trung thực, khách quan về những vấn đề liên quan đến công tác tham mưu, tổ chức phục vụ các hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và những vấn đề khác thuộc phạm vi nhiệm vụ khi được phân công.

Mục 4

VIỆC KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG NỘI BỘ HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 16. Nội dung kiểm tra, giám sát của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã bàn và quyết định quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này.

2. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên và việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, việc thực thi công vụ, nhiệm vụ của các thành viên khác.

Điều 17. Nội dung kiểm tra, giám sát của thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội

1. Thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã bàn và quyết định quy định tại Điều 9 của Nghị quyết này.

2. Thành viên của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ trong nội bộ Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên và việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, việc thực thi công vụ, nhiệm vụ của các thành viên khác của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.

Điều 18. Hình thức kiểm tra, giám sát

Việc kiểm tra, giám sát của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội được thực hiện thông qua các hình thức theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 57 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho hoạt động kiểm tra, giám sát trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được thực hiện thường xuyên, liên tục, có hệ thống và hiệu

quả; qua đó có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, kịp thời xử lý, ngăn ngừa vi phạm;

b) Bảo đảm những nội dung kiến nghị, phản ánh thông qua thực hiện việc kiểm tra, giám sát của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được tiếp nhận, xem xét, giải quyết kịp thời.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức để thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện việc kiểm tra, giám sát về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 18 của Nghị quyết này;

b) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo xác minh, làm rõ những vi phạm được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát để giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Nghị quyết này theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội;

b) Chỉ đạo tiếp nhận, xem xét nội dung kiến nghị, phản ánh thông qua thực hiện việc kiểm tra, giám sát của thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

5. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

a) Kịp thời kiến nghị, phản ánh về những vi phạm đã phát hiện thông qua việc kiểm tra, giám sát về các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm về nội dung kiến nghị, phản ánh của mình;

b) Chủ động, tích cực phối hợp với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội và các cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, làm rõ các nội dung theo kiến nghị, phản ánh.

6. Công chức Vụ chuyên môn có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan đến việc kiểm tra, giám sát trong nội bộ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; tham mưu, phục vụ việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều này.

Chương III

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1

VIỆC CÔNG KHAI THÔNG TIN TRONG NỘI BỘ THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 20. Nội dung phải công khai trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Các nội dung phải công khai theo quy định tại Điều 46 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có liên quan trực tiếp đến hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân.
2. Nội dung phân công công việc, điều phối hoạt động của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân.
3. Kết quả thành lập các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, xác định số lượng đại biểu của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.
4. Kết quả thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công.
5. Kết quả hoạt động giám sát thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân; việc thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; việc đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.
6. Kết quả chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Ban của Hội đồng nhân dân; kết quả tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật.
7. Kết quả ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.
8. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân.
9. Kết quả bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp; việc phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp dưới (đối với cấp tỉnh); việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu

tín nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

10. Kết quả quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân; xem xét, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp; kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

11. Kết quả phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; việc điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

12. Các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nội dung phải công khai trong nội bộ Ban của Hội đồng nhân dân

1. Các nội dung quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều 20 của Nghị quyết này.
2. Nội dung phân công công việc, điều phối hoạt động của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân.
3. Nội dung, tiến độ thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công; xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
4. Việc triển khai các hoạt động giám sát, khảo sát; tổ chức các đoàn giám sát, đoàn công tác, đoàn khảo sát, nghiên cứu của Ban của Hội đồng nhân dân và của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khi được phân công.
5. Các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động của Ban của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Ngoài các hình thức theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, việc công khai thông tin trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân còn được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:
 - a) Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện công khai thông tin quy định tại Điều 20 của Nghị quyết này tại cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;
 - b) Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện công khai thông tin quy định tại Điều 21 của Nghị quyết này tại cuộc họp của Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp.
2. Thời điểm công khai thông tin được thực hiện theo quy định về thời gian tổ chức các hình thức công khai thông tin tại khoản 1 Điều này. Trường hợp thực hiện việc công khai theo hình thức niêm yết thông tin tại trụ sở của Thường trực

Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân thì phải thực hiện niêm yết ít nhất 20 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Điều 23. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ việc cung cấp thông tin cho thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Bảo đảm cho thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân được cung cấp thông tin về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức việc công khai trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 22 của Nghị quyết này;

b) Chỉ đạo cung cấp thông tin cần công khai thuộc thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Quyết định nội dung thông tin khác cần công khai phù hợp với điều kiện thực tế của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các yêu cầu về công khai thông tin trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Trường hợp cần thiết có thể xác định thêm các nội dung thông tin khác cần công khai phù hợp với điều kiện thực tế của Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Chỉ đạo tổ chức việc công khai trong nội bộ Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 22 của Nghị quyết này.

5. Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện các yêu cầu về công khai thông tin trong nội bộ Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp theo sự phân công hoặc ủy quyền của Trưởng Ban.

6. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm chủ động đề xuất, báo cáo, yêu cầu cung cấp thông tin, công khai thông tin về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Mục 2**VIỆC BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NỘI BỘ THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****Điều 24. Nội dung bàn và quyết định của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Các nội dung quy định tại các khoản 2, 3, 8, 10 và 11 Điều 20 của Nghị quyết này.

2. Việc triển khai các hoạt động giám sát thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân; việc thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; việc đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Dự thảo nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 25. Nội dung bàn và quyết định của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân

1. Các nội dung quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 21 của Nghị quyết này.

2. Kế hoạch thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Ban của Hội đồng nhân dân chủ trì; kế hoạch thực hiện các hoạt động giám sát thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 26. Hình thức bàn và quyết định

1. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 24 của Nghị quyết này tại cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Thành viên Ban của Hội đồng nhân dân bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 25 của Nghị quyết này tại cuộc họp của Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Trường hợp không thể tổ chức cuộc họp, việc bàn và quyết định có thể được thực hiện bằng hình thức gửi xin ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 27. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bàn và quyết định trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ việc bàn và quyết định; bảo đảm cho thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân được bàn và quyết định những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

b) Theo dõi, đôn đốc, quán triệt việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc đã được Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân bàn và quyết định.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức để thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp tham gia bàn và quyết định về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 26 của Nghị quyết này;

b) Trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp đột xuất để bàn và quyết định những vấn đề phát sinh thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc quyết định gửi văn bản xin ý kiến của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung đã được Thường trực Hội đồng nhân dân cấp mình bàn và quyết định quy định tại Điều 24 của Nghị quyết này theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Trường hợp cần thiết có thể xác định thêm những nội dung khác để đưa ra tập thể bàn và quyết định; đề xuất xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Bảo đảm cho thành viên Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp tham gia bàn và quyết định về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 26 của Nghị quyết này;

c) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung đã được Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp bàn và quyết định quy định tại Điều 25 của Nghị quyết này.

5. Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều này theo sự phân công của Trưởng Ban.

6. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn; nghiêm túc thực hiện những nội dung đã được tập thể bàn và quyết định;

b) Trường hợp nhận thấy quyết định của tập thể có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì kịp thời kiến nghị, phản ánh đến Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để xem xét, xử lý.

Mục 3

VIỆC THAM GIA Ý KIẾN TRONG NỘI BỘ THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 28. Nội dung tham gia ý kiến của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại Điều 20, khoản 2 và khoản 3 Điều 24 của Nghị quyết này.

2. Thành viên Ban của Hội đồng nhân dân tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 7 Điều 20, các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 21 của Nghị quyết này.

Điều 29. Hình thức tham gia ý kiến

Ngoài các hình thức theo quy định tại Điều 54 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, việc tham gia ý kiến tại Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân còn được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị quyết này tại cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

2. Thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị quyết này tại cuộc họp Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tham gia ý kiến trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Bảo đảm cho thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp được tham gia ý kiến về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức việc lấy ý kiến của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 29 của Nghị quyết này;

b) Chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình và phản hồi ý kiến tham gia góp ý, công khai thông tin phản hồi;

c) Quyết định nội dung khác cần lấy ý kiến phù hợp với điều kiện thực tế của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức việc lấy ý kiến thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị quyết này theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Chỉ đạo tổ chức tiếp nhận, tổng hợp nội dung ý kiến của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp; chỉ đạo nghiên cứu, chuẩn bị nội dung tiếp thu, giải trình và phản hồi ý kiến, báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị quyết này.

5. Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia chỉ đạo thực hiện nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều này theo sự phân công của Trưởng Ban.

6. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Tích cực tham gia ý kiến, biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp; thể hiện rõ chính kiến khi được yêu cầu và được bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến tham gia khác với ý kiến của tập thể;

b) Chủ động đề xuất, báo cáo, yêu cầu cung cấp hoặc bổ sung thông tin phục vụ việc tham gia ý kiến về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Mục 4

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 31. Nội dung kiểm tra, giám sát của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã bàn và quyết định quy định tại Điều 24 của Nghị quyết này.

2. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân cấp mình và việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp, việc thực thi công vụ, nhiệm vụ của các thành viên khác.

Điều 32. Nội dung kiểm tra, giám sát của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thành viên Ban của Hội đồng nhân dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã bàn và quyết định quy định tại Điều 25 của Nghị quyết này.

2. Thành viên Ban của Hội đồng nhân dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ trong nội bộ Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp và việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật của Trường Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp, việc thực thi công vụ, nhiệm vụ của các thành viên khác.

Điều 33. Hình thức kiểm tra, giám sát

Việc kiểm tra, giám sát của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân được thực hiện thông qua các hình thức theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 57 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 34. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho hoạt động kiểm tra, giám sát trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình được thực hiện thường xuyên, liên tục, có hệ thống và hiệu quả; qua đó có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, kịp thời xử lý, ngăn ngừa vi phạm;

b) Bảo đảm những nội dung kiến nghị, phản ánh thông qua thực hiện việc kiểm tra, giám sát của thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp được tiếp nhận, xem xét, giải quyết kịp thời.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức để thành viên của Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc kiểm tra, giám sát về những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo các hình thức quy định tại Điều 33 của Nghị quyết này;

b) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo xác minh, làm rõ những vi phạm được phát hiện qua kiểm tra, giám sát để giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát trong nội bộ Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định tại Điều 31 của Nghị quyết này theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Chỉ đạo tiếp nhận, xem xét nội dung kiến nghị, phản ánh thông qua thực hiện việc kiểm tra, giám sát của thành viên của Hội đồng nhân dân cùng cấp; yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan, báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định tại Điều 32 của Nghị quyết này;

c) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo xác minh, làm rõ những vi phạm được phát hiện qua kiểm tra, giám sát trong nội bộ Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

5. Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều này theo sự phân công của Trưởng Ban.

6. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Kịp thời kiến nghị, phản ánh về những vi phạm đã phát hiện thông qua việc kiểm tra, giám sát về các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm về nội dung kiến nghị, phản ánh của mình;

b) Chủ động, tích cực phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, làm rõ các nội dung theo kiến nghị, phản ánh.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Tổ chức thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tùy tình hình cụ thể, có thể chỉ đạo xây dựng quy chế thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị mình; nội dung quy chế có thể mở rộng hơn phạm vi thực hiện dân chủ nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan mình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả thực hiện. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về kết quả thực hiện.

3. Thường trực Ủy ban Dân nguyện và Giám sát có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội quy định tại khoản 2 Điều này để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của mình và của các Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định tại khoản 2 Điều này để báo cáo Hội đồng nhân dân.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua. / *Valer*

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 48 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2025.

TM. **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn